

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2021/DS-PT

Ngày: 20/5/2021

V/v “*Tranh chấp thừa kế*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2021/DS-PT ngày 01/02/2021, về việc: “*Tranh chấp thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 788/2021/QĐ-PT, ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bông P (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Tống Ngọc B - Văn bản ủy quyền ngày 28/01/2019 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 34A, Khóm 7, Phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng V (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường P, tổ 8, khóm 3, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu C, anh Nguyễn Công T: Ông Nguyễn Văn Đ - Văn bản ủy quyền cung ngày 08/4/2021 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 22, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu T1; địa chỉ: Số 37, tổ 4, ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của ông T1: Bà Phan Thị X - Văn bản ủy quyền ngày 27/01/2013 (vắng mặt);

Ủy quyền cho: Bà Tống Ngọc B - Văn bản ủy quyền ngày 01/4/2021 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Kim H; địa chỉ: Số 29A, đường L, Khóm 7, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt);

Ủy quyền cho: Bà Tống Ngọc B - Văn bản ủy quyền ngày 22/3/2021 (có mặt);

3. Ông Nguyễn Ngọc S; địa chỉ: Số 91, tổ 1, ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

4. Chị Nguyễn Thị Bé H; địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt);

5. Chị Nguyễn Ngọc T (vắng mặt);

6. Anh Nguyễn Đăng H (vắng mặt);

Địa chỉ: 14272, HooVer. ST, 74 Westminster CA 92683, USA.

7. Ông Nguyễn Tấn Tr; địa chỉ: Số 2019, tổ 8, Khóm 3, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt);

8. Bà Nguyễn Thị C1 (vắng mặt);

9. Chị Nguyễn Thị Thu C (vắng mặt);

10. Anh Nguyễn Viết T2 (vắng mặt);

11. Cháu Nguyễn Nguyễn Viết Th (vắng mặt);

12. Cháu Nguyễn Viết P (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của cháu Th, cháu P: Anh Nguyễn Viết Tuyền và chị Nguyễn Thị Thu C (là cha mẹ của cháu Th và cháu P) (vắng mặt);

13. Anh Nguyễn Công T (vắng mặt);

14. Chị Đặng Thị Thúy H (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Đường P, tổ 8, Khóm 3, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hùng V, Nguyễn Công T, Nguyễn Thị Thu C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2012 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Bông P do chị Tống Ngọc B đại diện trình bày:

Cha của bà là cụ Nguyễn Công Chánh (chết năm 1999) và mẹ là cụ Trần Thị Sửu (chết năm 2005) có các con gồm: Nguyễn Văn Nho (chết lúc nhỏ); Nguyễn Đăng Khoa (chết trước năm 1975) có vợ (đã chết) và có 3 người con gồm (Nguyễn Thị Bé H, Nguyễn Ngọc T; Nguyễn Đăng H); Nguyễn Tấn Tr; Nguyễn Bông P; Nguyễn Hữu T1; Nguyễn Kim H; Nguyễn Ngọc S; Nguyễn Hùng V. Cụ Chánh và cụ Sửu có phần đất diện tích 747,1m², thửa số 95 tọa lạc tại Khóm 3, thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Cụ Chánh và cụ Sửu chết không để lại di chúc. Ông Nguyễn Hùng V tự làm thủ tục sang toàn bộ phần đất cho ông thành thửa 202, diện tích 425,9m². Sau đó, ông V làm thủ tục tặng cho các con gồm Nguyễn Thị Thu C, Nguyễn Công T và chuyển nhượng một phần cho Nguyễn Thị Kim Nhung. Năm 2016, chị C nhận chuyển nhượng lại phần đất mà ông V đã chuyển nhượng cho chị Nhung. Thửa 202 hiện nay tách thành các thửa:

- Thửa 202, diện tích 179,7m², tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại Khóm 3, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Công T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa 324, diện tích 98,3m², tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại Khóm 3, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Thu C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa 323, diện tích 147,9m², tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại Khóm 3, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Thu C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà P yêu cầu chia thừa kế phần đất do cha mẹ để lại cho 07 anh chị em theo quy định của pháp luật sau khi trừ phần đất mồ mã diện tích 50m², bà P yêu cầu được hưởng một phần bằng hiện vật.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/01/2013 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hùng V trình bày:

Cha mẹ ông có các con như bà P trình bày. Trước khi cha của ông mất, có nói toàn bộ tài sản để lại cho ông. Sau khi cha ông mất, mẹ của ông và các anh em của ông gồm ông T1, ông S đến Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Vồn làm thủ tục để trước bạ sang tên phần đất tranh chấp cho ông. Sau đó, ông đã làm thủ tục

tặng cho các con ông là Nguyễn Thị Thu C diện tích 98,3m² và Nguyễn Công T diện tích 179,7m². Đồng thời, ông chuyển nhượng một phần cho chị Nhung, sau đó con ông là Nguyễn Thị Thu C nhận chuyển nhượng lại. Trên phần đất tranh chấp có 2 căn nhà gồm nhà của ông và nhà của chị C. Ông không đồng ý chia thừa kế vì phần đất này đã cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn Kim H trình bày:

Cha mẹ của ông bà có các con và tài sản như bà P trình bày. Cha mẹ của ông bà chết không để lại di chúc. Các anh em ông bà đã có gia đình và đi làm ăn xa, nhà đất của cha mẹ để lại cho ông Nguyễn Hùng V ở, trông coi và thờ cúng cha mẹ. Ông V đã tự làm thủ tục sang tên thừa kế quyền sử dụng đất. Bà Hoa, ông T1 yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất của cha mẹ để lại, chia đều cho các anh chị em. Phần của ông bà được hưởng ông bà đồng ý giao lại cho bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S và ông Nguyễn Tấn Tr:

Thông nhất đối với lời trình bày của ông V. Phần mà các ông được hưởng các ông đồng ý giao lại cho ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bé H trình bày: Ông Chánh và bà Sửu là ông bà nội của chị. Trước khi ông bà nội chị mất có nói để lại phần đất đang tranh chấp cho ông V. Phần thừa kế mà chị và các em của chị được hưởng chị đồng ý giao ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu C trình bày: Phần đất mà ông bà nội của chị để lại khoảng 500m². Trước đây, cha của chị cho chị phần đất diện tích 98,3m² để cất nhà ở. Phần đất mà cha chị chuyển nhượng cho chị Nhung diện tích 147,9m² sau đó chị đã nhận chuyển nhượng lại của chị Nhung và sử dụng để làm sân. Phần đất còn lại cha chị đã cho em chị là Nguyễn Công T. Các phần đất trên chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị không đồng ý chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công T trình bày: Thông nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hùng V.

Bản án dân sự số 25/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Bông P và yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Hữu T1.

Áp dụng Điều 612, 651, 623, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Nguyễn Hùng V, chị Nguyễn Thị Thu C và anh Nguyễn Công T phải giao cho bà Nguyễn Bông P, bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Hữu T1 mỗi người được hưởng trị giá 1 suất thừa kế bằng 70.481.250 đồng.

2. Chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản 5.690.000 đồng bà P, bà Hoa, ông T1 và ông V mỗi người phải chịu $\frac{1}{4}$ bằng 1.422.500 đồng. Do bà P nộp tạm ứng số tiền trên nên ông V phải nộp 1.422.500 đồng để hoàn trả cho bà P. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2020 ông Nguyễn Hùng V kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do đất ông được cha mẹ cho nên không đồng ý chia thừa kế; tòa án cấp sơ thẩm không miễn án phí cho ông trong khi ông cũng trên 60 tuổi; người khởi kiện phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ; tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của nguyên đơn. Anh Nguyễn Công T, chị Nguyễn Thị Thu C kháng cáo cho rằng đất được cha là ông V tặng cho; bà P chỉ yêu cầu ông V chia thừa kế nhưng tòa sơ thẩm buộc anh T, chị C trả tiền là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, ngày 12/8/2020 anh T đã chuyển nhượng cho ông Phan Hoài Thanh diện tích 179,7m², trong đó 60m² đất ở và 119,7m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 41; do đó, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Người đại diện cho người kháng cáo cho rằng: Diện tích đất các bên tranh chấp là tài sản của cụ Chánh và cụ Sửu để lại, ông V đã chuyển nhượng một phần cho bà Nhung, sau đó bà Nhung chuyển nhượng lại đất cho chị C; thứ hai theo đơn khởi kiện của bà P chỉ yêu cầu ông V chia di sản thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị C, anh T là con của ông V liên đới cùng ông V, hoàn trả tiền về giá trị kỷ phần thừa kế cho người thừa kế là vượt quá phạm vi khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Người đại diện của nguyên đơn cho rằng bản án sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng; đề nghị bác đơn kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện

đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, các đương sự đều thừa nhận tài sản các bên tranh chấp là di sản của cụ Chánh và cụ Sửu chết để lại, Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế là đúng quy định pháp luật. Bà Nhung trong vụ án này hiện không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Thanh nhận chuyển nhượng đất sau khi Tòa cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, đến nay cũng chưa sang tên, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác nên không cần thiết phải đưa vào tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật, không vi phạm thủ tục tố tụng; đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hùng V, Nguyễn Công T, Nguyễn Thị Thu C đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Căn cứ đơn khởi kiện của bà P, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ dân sự về việc: “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” là đúng quan hệ tranh chấp; trong vụ án có đương sự đang định cư ở nước ngoài, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận diện tích đất 747,1m², tại thửa số 95, tọa lạc tại khóm 3, thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của cụ Chánh và cụ Sửu nên có căn cứ xác định đây là di sản của cụ Chánh và cụ Sửu chết để lại. Nay các bên cũng thừa nhận diện tích đất thực tế hiện nay còn lại 425,9m², ít hơn so với kê khai, đăng ký trước đây là do bị sạt lở.

[3]. Diện tích đất 50m² đã xây dựng nhà mồ của cha mẹ, diện tích đất còn lại 375,9m² là di sản thừa kế; hiện ông V và hai con là chị C và anh T đã xây dựng nhà ở và theo khảo sát của Tòa án cấp sơ thẩm thì không thể chia bằng hiện vật, vì xâm phạm đến nhà ở của ông V, chị C và anh T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ giá thị trường đã định của Hội đồng định giá là 1.500.000 đồng/m² = 563.850.000 đồng, chia 8 phần (gồm 7 suất thừa kế và 01 phần công sức của ông V) là đúng theo Án lệ số: 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, mỗi suất được hưởng 70.481.250 đồng. Do ông V đã tặng cho phần đất là di sản thừa kế cho các con của ông là anh T và chị C không đúng pháp luật, việc tặng cho không có trả tiền; vì vậy, để bảo đảm

quyền lợi cho bà P, bà Hoa và ông T1 là người thừa kế và đảm bảo cho công tác thi hành án sau này, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông V, chị C và anh T phải hoàn trả cho bà P, bà Hoa và ông T1 mỗi người 70.481.250 đồng (bằng 1 suất thừa kế) là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông V, chị C và anh T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo cho rằng bà Nhung là người nhận chuyển nhượng một phần đất của ông V, sau đó bà Nhung chuyển nhượng lại cho chị C sử dụng. Như vậy, quyền lợi của bà Nhung trong vụ án này không còn, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nhung vào tham gia tố tụng là phù hợp. Nếu chị C có yêu cầu ông V bồi thường số tiền trên thì giải quyết bằng một vụ án khác, khi có yêu cầu.

[5]. Đây là vụ kiện tranh chấp thừa kế, nên các chi phí về thẩm định, đo vẽ, định giá tài sản... thì những người được hưởng di sản thừa kế phải chịu theo phần là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 16/9/2020, ông V trên 60 tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông V là chưa đúng, nên sửa lại cho đúng quy định. Ngoài ra chị C và anh T còn kháng cáo cho rằng ngày 12/8/2020 đã chuyển nhượng cho ông Phan Hoài Thanh thửa 202, tờ bản đồ số 41, diện tích 179,7m², trong đó 60m² đất ở và 119,7m² đất trồng cây lâu năm. Như vậy chị C và anh T chuyển nhượng đất cho ông Thanh sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án nên Hợp đồng giữa hai bên không đúng pháp luật. Hơn nữa Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông V, anh T, chị C trả tiền, không giao đất cho người hưởng thừa kế nên cũng không cần phải đưa ông Trung vào tham gia tố tụng trong vụ án, chị C và anh T đề nghị hủy án sơ thẩm vì lý do này là không có căn cứ chấp nhận.

[6]. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Hùng V về phần án phí dân sự sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Công T và chị Nguyễn Thị Thu C, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Ông V là người cao tuổi được miễn án phí phúc thẩm, chị C và anh T phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hùng V, không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Công T và chị Nguyễn Thị Thu C; Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 25/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 612, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án Lệ số: 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Bông P và yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Hữu T1.

1. Buộc ông Nguyễn Hùng V, chị Nguyễn Thị Thu C và anh Nguyễn Công T phải giao trả cho bà Nguyễn Bông P, bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Hữu T1 mỗi người được hưởng trị giá 1 suất thừa kế bằng 70.481.250 đồng.

2. Chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản 5.690.000 đồng bà Nguyễn Bông P, bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Hữu T1, ông Nguyễn Hùng V mỗi người phải chịu $\frac{1}{4}$ bằng 1.422.500 đồng. Do bà Nguyễn Bông P nộp tạm ứng số tiền trên nên bà Nguyễn Kim H, ông Nguyễn Hữu T1 và ông Nguyễn Hùng V mỗi người phải nộp 1.422.500 đồng để hoàn trả cho bà Nguyễn Bông P.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Bông P, bà Nguyễn Kim H, ông Nguyễn Hữu T1 và ông Nguyễn Hùng V được miễn. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Bông P đã nộp 500.000 đồng theo Biên lai thu số 12751 ngày 10/01/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hùng V được miễn. Anh Nguyễn Công T, chị Nguyễn Thị Thu C mỗi người phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0003162, 0003163 ngày 30/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1);
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long (1);
- Đương sự (9)
- Lưu VP (3), HS (2), (20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý